

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐX
TỈNH BP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HS-ST
Ngày: 02 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐX, TỈNH BP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Công Hoan

Ông Lê Ngọc Sử

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh BP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐX, tỉnh BP tham gia phiên tòa:
Ông Nông Q Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh BP mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. VÕ THÀNH Q, sinh năm 1998 tại BP; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 5, khu phố Tân Trà, phường TX, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Võ Thành C, sinh năm: 1974 và bà Dương Thị Hồng T, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 03/3/2020 bị Ủy ban nhân dân thành phố ĐX, tỉnh BP xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép pháo” theo quy định tại điểm d Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ số tiền 7.500.000 đồng;

Nhân thân: Có 01 lần phạm tội, đã được xóa án tích: Ngày 17/7/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã ĐX (nay là thành phố ĐX), tỉnh BP xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (theo bản án số 64A/2014/HSST), chấp hành xong án phạt tù tại Trại giam Tổng Lê Chân vào ngày 31/8/2015;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. ĐÀO VĂN L (tên gọi khác: Nhóc), sinh năm 1999 tại BP; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố Tân Trà, phường TX, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn V (đã chết) và bà Đào Thị L2, sinh năm 1965; bị cáo có vợ là Trịnh Thị Kim L1, sinh năm: 1999, chưa có con; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 03/6/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã ĐX (nay là thành phố ĐX), tỉnh BP xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (theo bản án số 54/2016/HSST), chấp hành xong án phạt tù tại Trại giam L3 Hòa vào ngày 24/01/2019;

Nhân thân: Có 01 lần phạm tội, đã được xóa án tích: Ngày 17/7/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã ĐX (nay là thành phố ĐX), tỉnh BP xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (theo bản án số 64A/2014/HSST);

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1977; cư trú tại địa chỉ khu phố Phước Thọ, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh BP. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị Kim L1, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 02, khu phố 02, phường Tân Đồng, thành phố ĐX, tỉnh BP; chỗ ở hiện nay tổ 5, khu phố Tân Trà, phường TX, thành phố ĐX, tỉnh BP. (Vắng mặt)

Người chứng kiến: Ông Ngô Kim L3, sinh năm 1972; cư trú tại địa chỉ khu phố Tân Đồng 01, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh BP. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 21/10/2020, Đào Văn L điều khiển xe mô tô hiệu Max, biển số: 93P1-385.63 của Võ Thành Q chở Q đi mua đồ sắt về sửa nhà cho L, khi đi ngang qua cửa hàng “T Ngân” do chị Bùi Thị Thu T làm chủ thuộc khu phố Phước Thọ, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh BP, Q phát hiện có 01 con chó màu đen, lông xù của chị T đang đứng bên hông cửa hàng “T Ngân” không có người trông coi, thấy đẹp thì Q nảy sinh ý định bắt trộm con chó trên, Q rủ L cùng thực hiện thì L đồng ý. Lúc này L điều khiển xe chở Q quay lại gần con chó đang đứng, L ngồi trên xe cạnh giới, Q xuống xe lén lút bắt trộm con chó rồi lên xe L chở về nhà. Khi về đến nhà L thì Q nhốt con chó vào chuồng rồi L tiếp tục chở Q đến cửa hàng “Q Thu” để mua đồ sắt.

Sau khi chị T phát hiện bị mất trộm con chó đã đến Công an phường TT trình báo sự việc trên. Công an phường TT tiến hành xác minh và trích xuất Camera thì phát

hiện đối tượng bắt trộm con chó của chị T là Võ Thành Q và Đào Văn L nên mời Q và L về trụ sở làm việc. Tại đây L và Q đã khai nhận toàn bộ sự việc như đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 183/KLĐG ngày 04/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố ĐX kết luận: 01 con chó kiểng Poede, giới tính cái, màu đen, lông xù, trọng lượng 1,2kg, trị giá 3.600.000 đồng.

Đối với 01 USB màu đỏ bên trong chứa đoạn Video ghi lại hình ảnh đối tượng “Trộm cắp tài sản” được bỏ vào bì thư kích thước 19cm x 14cm được đóng dấu giáp lai Công an phường TT đính kèm theo hồ sơ làm chứng cứ của vụ án.

Ngày 22/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐX đã trả lại 01 con chó Poede giới tính: Cái, màu đen, lông xù, cân nặng 1,2kg cho chị Bùi Thị Thu T là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Bùi Thị Thu T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì.

Tại Bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 30/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐX, tỉnh BP đã truy tố các bị cáo Võ Thành Q và bị cáo Đào Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐX, tỉnh BP giữ quyền công tố trình bày quan điểm: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Võ Thành Q, Đào Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Võ Thành Q mức án từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đào Văn L mức án từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù;

- Về vật chứng vụ án đã được xử lý theo quy định pháp luật nên không đề nghị xem xét.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐX, tỉnh BP đã truy tố và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo Võ Thành Q không thực hiện lời nói sau cùng;

- Bị cáo Đào Văn L: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm trở về chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố ĐX, tỉnh BP, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐX, tỉnh BP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng vụ án và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 21/10/2020, khi Võ Thành Q và Đào Văn L đi ngang cửa hàng “T Ngân” thuộc khu phố Phước Thọ, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh BP thì Q thấy 01 con chó kiểng Poede, trọng lượng 1,2kg trị giá 3.600.000 đồng của chị Bùi Thị Thu T nên Q nảy sinh ý định chiếm đoạt, Q rủ Đào Văn L cùng thực hiện thì L đồng ý. Lợi dụng sự sơ hở của chị T, Q và L đã lén lút chiếm đoạt 01 con chó kiểng Poede nêu trên. Hành vi của Q và L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 30/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐX, tỉnh BP truy tố các bị cáo Võ Thành Q, Đào Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, là khách thể được pháp luật bảo vệ.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, các bị cáo nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Mặt khác, các bị cáo đều đã từng bị xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, chứng tỏ các bị cáo là người khó cải tạo, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, xem thường pháp luật. Do đó, cần xét xử các bị cáo mức án nghiêm, đủ thời gian để các bị cáo cải tạo bản thân thành người có ích cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Võ Thành Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Đào Văn L có 01 tiền án về tội “Cướp giật tài sản” chưa được xóa án tích, do đó lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng hình phạt là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[6] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, cần phân tích vai trò của từng bị cáo để cụ thể hóa hình phạt.

[6.1] Đối với bị cáo Võ Thành Q: Bị cáo là người khởi xướng và rủ rê bị cáo Đào Văn L cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[6.2] Đối với bị cáo Đào Văn L: Khi nghe bị cáo Q rủ rê chiếm đoạt tài sản của người khác thì bị cáo L lập tức đồng ý và giúp sức cho Q, chờ Q quay lại chiếm đoạt tài sản của bị hại. Mặc dù bị cáo chỉ thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức, tuy nhiên lần phạm tội này của bị cáo là “tái phạm”, do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo Võ Thành Q và Đào Văn L không có nghề nghiệp cũng như thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng biện pháp phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại bà Bùi Thị Thu T đã được nhận lại tài sản hợp pháp của mình và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐX, tỉnh BP về tội danh, điều khoản áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo Võ Thành Q và Đào Văn L là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng vụ án đã được Cơ quan điều tra Công an thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước xử lý theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Võ Thành Q, Đào Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Võ Thành Q 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/02/2021.

2.2 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đào Văn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/02/2021.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm:

3.1 Bị cáo Võ Thành Q phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng;

3.2 Bị cáo Đào Văn L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BP;
- VKSND thành phố ĐX;
- VKSND tỉnh BP;
- Chi cục THADS thành phố ĐX;
- Sở Tư pháp tỉnh BP.
- CA thành phố ĐX;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tuấn